

Bản án số: **74 /2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/5/2021.

V/v Tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Trần Văn Nhu**.

+ Ông **Trần Thanh Tùng**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Bùi Quốc Hiến** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hải N**, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Trương Văn B**, sinh năm 1979 (có mặt).

ĐKHKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Phần trình bày của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải N trình bày:

- Chị với anh Trương Văn B cưới nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến khoảng tháng 2/2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xảy ra xung đột, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về tình cảm: Cho chị được ly hôn với Trương Văn B.

-Về con chung: Anh chị có một con chung tên Trương Nguyễn Hoài L, sinh ngày 29/01/2001. Nay đã thành niên và hoạt động bình thường.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Phần trình bày của bị đơn:

Bị đơn anh Trương Văn B trình bày: Việc cưới nhau chung sống và con chung như chị N trình bày là đúng. Nhưng do mâu thuẫn không lớn, nên anh không đồng ý ly hôn. Về con chung có một con chung Trương Nguyễn Hoài L, sinh ngày 29/01/2001. Nay đã thành niên và hoạt động bình thường. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

-Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Trương Văn B có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân:

Theo chị N khai là anh chị cưới nhau năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do anh B không chăm lo làm ăn, ăn nhậu bê tha thường hay bạo hành gia đình đập phá tài sản trong nhà và đánh chị. Nên đến tháng 2/2021 chị đã ly thân đến nay. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh B nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Còn anh B có ý kiến là mâu thuẫn không lớn, anh còn thương vợ con. Trong cuộc sống vợ chồng đôi khi anh có uống rượu nóng tính nên có bất đồng quan điểm và có đập phá tài sản trong gia đình và có lần đánh chị N, như chị N trình bày là đúng. Nhưng anh còn thương vợ không đồng ý ly hôn. Nhận thấy vợ chồng anh chị đã xảy ra xung đột, mâu thuẫn từ khoảng năm 2011 đến nay nhưng anh B không sửa chữa tính tình từ bỏ thói hư tật xấu chăm lo làm ăn, để phụ giúp cho gia đình vợ con mà ngày càng có nhiều hành vi không chuẩn mực đến nỗi vợ chồng anh chị phải ly thân. Đồng thời trong thời gian ly thân và tại phiên tòa hôm nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N cho chị được ly hôn với anh B. Không chấp nhận ý kiến xin đoàn tụ của anh B là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên Trương Nguyễn Hoài L, sinh ngày 29/01/2001. Nay đã thành niên và hoạt động bình thường. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh B và chị N khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hải N.

- Cho chị Nguyễn Thị Hải N được ly hôn với anh Trương Văn B.

2. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004922, ngày 22/3/2021 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã B, huyện C;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

PHẠM THANH DŨNG